



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

137 Lê Quang Định, P.14, Q. Bình Thạnh

ĐT: 028.62583425 Fax: 028.62583426

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



๘๐๘

TP.HCM, tháng 03 năm 2023

Mục Lục

I. Thông tin chung	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4. Định hướng phát triển	7
5. Các rủi ro	7
II. Tình hình hoạt động trong năm	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2. Tổ chức và nhân sự	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	15
4. Tình hình tài chính	15
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	17
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	17
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	19
2. Tình hình tài chính	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức	21
4. Kế hoạch trong tương lai	22
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về MT&XH của Công ty	22
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	22
V. Quản trị công ty	23
1. Hội đồng quản trị	24
2. Ban Kiểm soát	26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban GD, BKS	26
VI. Báo cáo tài chính	28

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300378152
- Vốn điều lệ: 149.845.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 149.845.500.000 đồng
- Địa chỉ: 137 Lê Quang Định, Phường 14, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 62 583 425
- Số fax: (028) 62 583 426
- Website: www.sc5.vn
- Mã cổ phiếu: SC5

4. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 tiền thân là Công ty Xây dựng số 5 trực thuộc Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - Bộ Xây dựng. Công ty có nguồn gốc từ một tổ hợp Xây dựng Hòa Bình có từ trước giải phóng và phát triển cho đến ngày nay.
- Ngày 10/06/1978, Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 1040/QĐUB về việc giao các nhà thầu xây dựng cư ngụ trong Thành phố cho các bộ ngành Trung ương các cơ sở của Thành phố và các tỉnh phía Nam, theo nội dung quyết định này, Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố đã chuyển giao Tổ hợp Bình Hòa và 07 cổ đông do ông Dương Văn Bông làm đại diện cho Bộ Xây dựng quản lý.
- Ngày 12/07/1978, Bộ Xây dựng ra Quyết định số: 128/VP - CT chấp thuận cho Công ty Tư Doanh Xây dựng Bình Hòa do ông Dương Văn Bông làm đại diện được hợp doanh với Nhà nước tổ chức thành Xí Nghiệp Công Tư Hợp Doanh Xây Dựng Số 1 trực thuộc Công ty Phát Triển Đô Thị.
- Ngày 09/04/1980, Bộ Xây dựng ra Quyết định số: 509/BXD-TCCB về việc hợp nhất Công ty Tư Doanh Xây Dựng Bình Hòa và Đồng Tiến thành Xí nghiệp Công

Tư Hợp Doanh Xây Dựng Hòa Tiến trực thuộc Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 – Bộ Xây dựng.

- Ngày 10/01/1984, Bộ Xây dựng ra Quyết định số: 29/BXD-TCCB về việc chuyển giao Xí Nghiệp Công Tư Hợp Doanh Xây Dựng Hòa Tiến thành Xí Nghiệp Xây Dựng Số 5 trực thuộc Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 – Bộ Xây dựng.
- Do nhu cầu lớn mạnh của Xí nghiệp, ngày 29/06/1990 Bộ Xây dựng ra Quyết định số: 379/BXD - TCCB chuyển Xí Nghiệp Xây dựng số 5 thành Công ty Xây Dựng Số 5.
- Ngày 18/03/1993, Công ty được thành lập theo Quyết định thành lập số: 066A/BXD-TCLĐ của Bộ Xây dựng. Giấy phép hành nghề Xây dựng số: 180/BXD-CSXD ngày 05/07/1996 của Bộ Xây dựng.
- Năm 2003, Công ty thực hiện việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, ngày 20/11/2003 Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành quyết định số: 1588/QĐ-BXD về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Xây Dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 và kể từ ngày 01/01/2004 Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 chính thức hoạt động theo quy định của pháp luật về Công ty Cổ phần.
- Sau hơn 03 năm hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty được phép niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định niêm yết số: 119/QĐ-SGDCK do Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 10 năm 2007.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng. Xây dựng : cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, thủy lợi. Xây dựng công trình cấp thoát nước và trạm cấp nước.
- Trang trí nội thất, mộc xây dựng.
- Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay.
- Xây dựng và lắp đặt công trình điện, nước. Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị cơ điện lạnh.

- Lắp đặt hệ thống thông tin tín hiệu, cáp quang, cáp truyền hình (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Lắp đặt và tháo dỡ các loại cầu trục và thiết bị nâng hạ.
- Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng.
- Sản xuất cấu kiện kim loại.
- Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, văn phòng. Kinh doanh bất động sản. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng.
- Thi công khoan cọc nhồi. Đóng, ép cọc bê tông cốt thép (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế đến 35KVA.
- Đập phá, sửa chữa công trình. Xây dựng và lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến thế trên 35KVA.
- Kinh doanh lĩnh vực nội địa, quốc tế.
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở)
- Đo đạc bản đồ. Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước.
- Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thiết kế hệ thống điện các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Tư vấn lập dự án, tư vấn đấu thầu công trình.
- Dịch vụ giữ xe.
- Dịch vụ tư vấn môi trường.
- Mua bán vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Mua bán vật tư ngành nước.
- Bán buôn thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, hệ thống tín hiệu, cáp quang, cáp truyền hình.
- Lắp đặt công trình xử lý nước thải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện

tại trụ sở).

- Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất trong khu dân cư tập trung)
- Sản xuất vật tư thiết bị; Sản xuất, gia công vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp (không sản xuất trong khu dân cư tập trung).
- Lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ tại trụ sở).
- Kinh doanh cấu kiện kim loại.
- Lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát, hệ thống thang máy, hệ thống điều hoà không khí, hệ thống khí y tế, thiết bị y tế. Lắp đặt thùng bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Phá dỡ, san lấp, san nền.
- Xây dựng công trình công ích
- Sửa chữa thiết bị điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.
- Dịch vụ vệ sinh, diệt côn trùng, chống mối mọt (trừ xông hơi, khử trùng).

✚ Địa bàn kinh doanh:

- Lĩnh vực xây lắp: địa bàn kinh doanh chủ yếu tại các tỉnh miền Đông Nam bộ (TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương) và miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam).
 - Lĩnh vực bất động sản: Chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

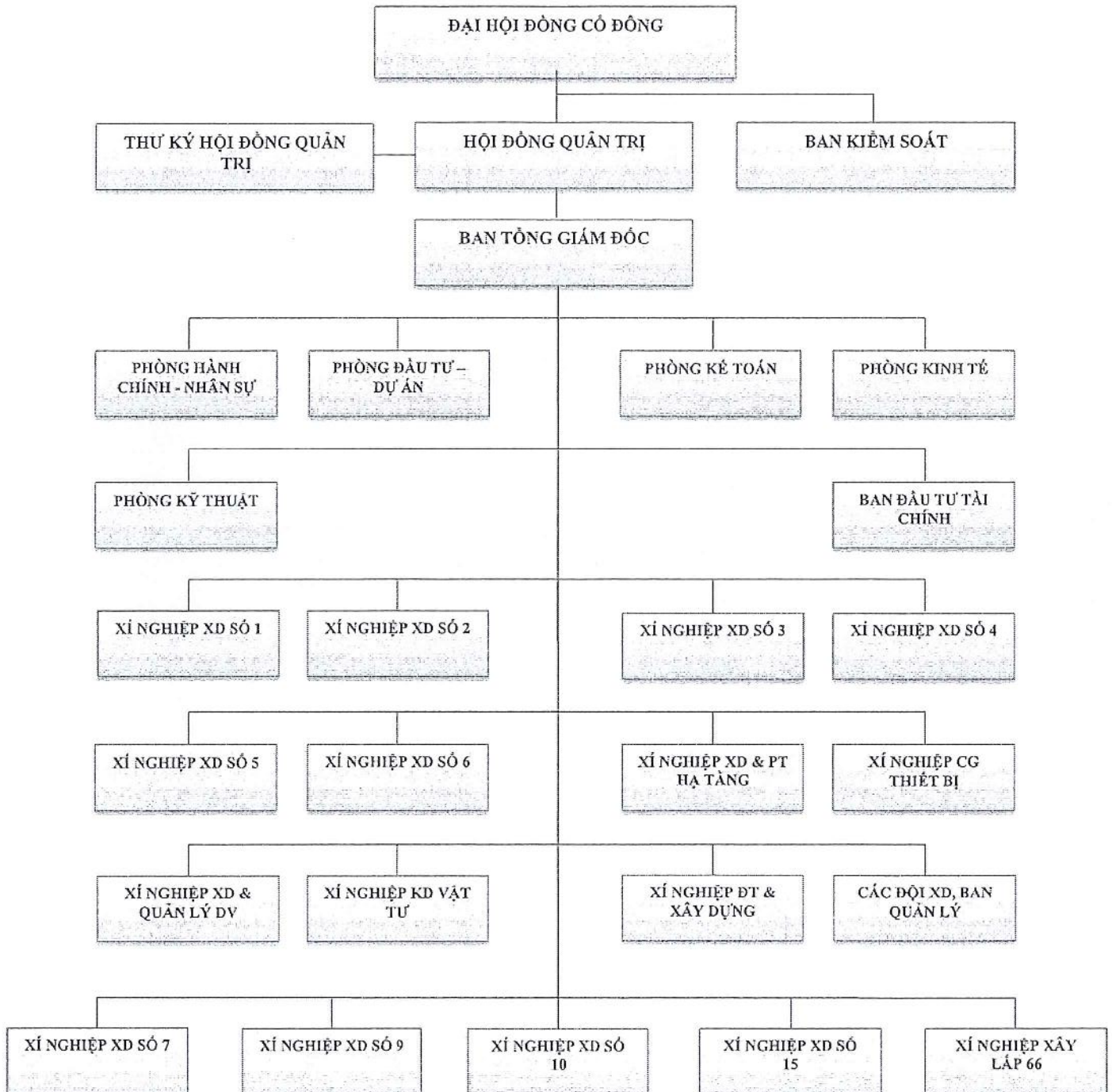
✚ Mô hình quản trị

- **Đại hội cổ đông**
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị đương nhiệm gồm 05 thành viên. Trong đó có 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ trong Ban điều hành, 02 thành viên HĐQT

độc lập.

- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 02 thành viên.
- **Ban điều hành:** Đứng đầu bộ máy điều hành là Tổng Giám đốc. Giúp việc cho Tổng Giám đốc gồm 06 Phó Tổng Giám đốc.

✦ Cơ cấu bộ máy quản lý



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028 62583425

Fax: 028 62583426

Website: www.sc5.vn

Email: sc5@sc5.vn

✚ Các công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

✚ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trở thành nhà thầu xây dựng và công ty kinh doanh BĐS có sức cạnh tranh cao, phát triển một cách bền vững. Gia tăng giá trị cổ đông thông qua quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả.

✚ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tăng cường nội lực để nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tập trung đầu tư vào nguồn nhân lực, vật lực và tài chính vào các ngành nghề là thế mạnh cốt lõi của Công ty nhằm phát triển bền vững thương hiệu SC5 trong lĩnh vực xây lắp, thi công hạ tầng và đầu tư bất động sản. Trở thành công ty Xây dựng và đầu tư BĐS lớn của TP. HCM. Phấn đấu duy trì mức lợi nhuận từ 20%/năm trở lên, đảm bảo mục tiêu “Phát triển bền vững”.

5. Các rủi ro

✚ Rủi ro vốn: Việc quản trị nguồn vốn dựa trên mục tiêu bảo đảm cho các hoạt động cốt lõi của công ty, đồng thời tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Cấu trúc vốn của công ty bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Để quản lý rủi ro trong doanh nghiệp, Công ty đã tiến hành rà soát các hoạt động kinh doanh, tài chính và các dự án BĐS để cơ cấu lại nguồn lực, đảm bảo luồng tiền và tăng tính thanh khoản cho hoạt động cốt lõi của công ty. Xác định các vấn đề ưu tiên của Công ty là xây lắp và thi công cấp thoát nước để tập trung sức mạnh về nguồn lực và tài chính. Tuân thủ chiến lược kinh doanh “Phát triển bền vững” để bảo toàn nguồn lực trong giai đoạn thị trường khó khăn.

✚ Rủi ro lãi suất: Công ty phải chịu các rủi ro lớn về lãi suất đối với các khoản vay của công ty vì vậy để giảm thiểu rủi ro, Công ty duy trì mức độ hợp lý của các khoản vay, thúc đẩy tiến độ thu hồi vốn để giảm thiểu chi phí lãi vay. Rà soát các khoản mục chi phí trong giá dự thầu (nhất là lãi vay ngân hàng) để đưa giá đấu

thầu hợp lý đồng thời giảm giá sản phẩm để thu hồi vốn nhằm giảm áp lực lãi vay ngân hàng...

- ✦ Rủi ro hàng hóa và rủi ro thanh khoản: Thị trường BĐS chịu rủi ro lớn về mặt chính sách. Chính sách giá cả linh hoạt theo biến động của thị trường và nền kinh tế để giảm thiểu hàng tồn. Với các công trình xây lắp, công ty yêu cầu làm tốt công tác quản lý hồ sơ để công tác thanh quyết toán luôn hoàn tất ngay sau khi bàn giao công trình.
- ✦ Rủi ro tín dụng: Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty thực hiện chính sách chỉ giao căn hộ khi khách hàng đóng được 95% giá trị hợp đồng.
- ✦ Rủi ro về nguồn nhân lực: Chi phí lao động tăng theo tốc độ lạm phát nên ảnh hưởng khá lớn tới khả năng cạnh tranh và lợi nhuận của công ty trong những năm qua. Công ty có cán bộ chuyên trách về an toàn lao động và thường xuyên tổ chức các chương trình tìm hiểu về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong thi công nhằm giảm thiểu tai nạn nghề nghiệp.
- ✦ Rủi ro thanh toán: Các công trình xây lắp thường có vốn đầu tư lớn và thời gian thi công kéo dài. Việc giải ngân vốn chậm cùng với công tác nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công và thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian đã dẫn đến việc chậm thanh toán và có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện so với KH
A	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	2.400	2.894	120,58
	- Giá trị xây lắp	Tỷ đồng	2.300	2.826	122,86

	- Giá trị kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	0	0	0
	- Giá trị kinh doanh khác	Tỷ đồng	100	68	68
B	Giá trị tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.800	2.609,22	144,95
	- Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	1.700	2.543,91	149,64
	- Doanh thu kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	10	3,2	32
	- Doanh thu kinh doanh khác	Tỷ đồng	90	62,11	69,01
C	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,10	28,44	128,68
D	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,68	22,54	127,48
E	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	168	230,43	137,16
F	Cổ tức trên mỗi cổ phần	%	10	Dự kiến: 12	120

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

a. Ông PHẠM VĂN TỪ - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 13/04/1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Động – Đông Hưng – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 47 Hoa Đào - P.02 – Q. Phú Nhuận-TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 028 62 583 425
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1991-1993: Công tác tại Viện Thiết kế công trình - Bộ công nghiệp nặng.
 - + Từ 1994 - 1998: Cán bộ kỹ thuật XNXD số 1 - Công ty Xây dựng số 5 - Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng.
 - + Từ 1999-8/2002: Phó GD XNXD số 3 - Công ty XD số 5 - Tcty XD Số 1-BXD.
 - + Từ 9/2002-4/2006: Giám đốc XNXD số 2 - Công ty CP Xây dựng số 5.



- + Từ T5/2006 - 6/2013: Phó Tổng Giám đốc - Kiêm Giám đốc XNXD số 2 - Công ty CP Xây dựng số 5 .
- + 07/2013 – 10/4/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP Xây Dựng Số 5.
- + 11/04/2018 - 30/07/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Xây Dựng Số 5.
- + 31/07/2020 – Đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP XD Số 5.
- Số cổ phần sở hữu: 7.335.420 cổ phần; chiếm 48,96% vốn điều lệ.

b. Ông Nguyễn Văn Cường – Phó Tổng Giám đốc.

- Ngày tháng năm sinh: 10/12/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xuân Sơn – Đô Lương – Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: 2/14 Hồng Hà – P.02 – Q.Tân Bình
- Điện thoại: 028 62583425
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học, Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1981 – 1985 : Học Đại học Vinh.
 - + Từ 1985- 1988 : Làm nghĩa vụ quân sự.
 - + Từ 1988 - 1990: Công tác tại Trung tâm Nền móng – ĐH XD Hà Nội
 - + Từ 1990 - 1995: Học ĐH XD Hà Nội - Làm việc tại Công ty Hà Đô – BQP.
 - + Từ 1995 - 2003: Giám đốc XNXD số 4 - Giám đốc Chi nhánh Miền Nam - Công ty Hà Đô – BQP.
 - + Từ 2003 - 2006: Phó Tổng giám đốc - Kiêm Giám đốc XNXD số 4 - Giám đốc Chi nhánh Miền Nam - Công ty Hà Đô – BQP.

- + Từ T5/2006 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Kiểm Giám đốc XN XD số 1 Công ty CP Xây dựng số 5.
- Số cổ phần sở hữu: 34.848 cổ phần; chiếm 0,23% vốn điều lệ.
- c. Ông Nguyễn Đình Dũng – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**
 - Ngày tháng năm sinh: 02/10/1980.
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Dân tộc: Kinh.
 - Quê quán: Nam Định.
 - Địa chỉ thường trú: 94/9/4 Đường D3, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 028 62583425
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 2001 – 2005 : Học Đại học Kiến trúc Hà Nội
 - + Từ 2003 – 2012: Công tác tại Xí nghiệp Xây dựng số 2 – Công ty CP XD Số 5.
 - + Từ 2013 – 2014: Giám đốc XN XD & PT Hạ tầng – Công ty CP XD Số 5.
 - + Từ 2014 – 26/04/2018: Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 2 – Công ty CP XD Số 5.
 - + Từ 27/04/2018 – 03/05/2018: Thành viên HĐQT Công ty CP XD Số 5, Giám đốc Xí nghiệp XD Số 2 – Công ty CP XD Số 5.
 - + Từ 04/05/2018 – Đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XD Số 5 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 2 – Công ty CP XD Số 5
 - + Số cổ phần sở hữu: 521.000 cổ phần; chiếm 3,48% vốn điều lệ.

d. Ông Đặng Văn Dũng – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 18/06/1969.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thái Bình.



- Địa chỉ thường trú : 61/20/6 Đường 20, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP.HCM
- Điện thoại: 028 62583425
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1988 – 1992: Học tại Đại học Xây dựng Hà Nội.
 - + Từ 1993 -1995: Công tác tại Tổng Công ty XD NN & PTNT.
 - + Từ 1996 – 2002: Công tác tại Công ty xây dựng Miền Đông – Tổng Công ty XD số 1.
 - + Từ 2003 – 19/7/2012: Công tác tại Xí nghiệp Xây dựng số 2 – Công ty CP XD Số 5.
 - + 20/7/2012 – 03/08/2018: Giám đốc Xí Nghiệp Xây dựng số 6 - Công ty CP XD Số 5.
 - + Từ 04/08/2018 – Đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XD Số 5.
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

e. Ông Bùi Đức Hanh – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 13/03/1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 14 Phạm Huy Thông, P. 07, Q.Gò Vấp, TP.HCM
- Điện thoại: 08 62583425
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1987 - 1992: Sinh viên Đại Học Xây dựng Hà Nội
 - + Từ 1992 - 1993: Cán bộ KT Công ty XD số 9 - Hà Nội
 - + Từ 1993 - 1994: Cán bộ KT công ty Liên doanh Máy XD Việt Nam - Uractrac-Bộ QP - TP HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028 62583425

Fax: 028 62583426

Website: www.sc5.vn

Email: sc5@sc5.vn



- + Từ 1995 - 1998: Phó Giám đốc XN XD số 1 - Công ty XD Miền Đông - Biên Hòa ĐN
- + Từ 1999 - 2014: Giám đốc Xí nghiệp XD Miền Đông 1 - Công ty CP Miền Đông - Biên Hòa - Đồng Nai
- + Từ 2014 - 06/2019: Giám đốc kỹ thuật Công ty CP XD Số 5 - TP HCM
- + Từ 10/06/2019 – Đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XD Số 5.
- Số cổ phần sở hữu: 500 cổ phần; chiếm 0,003% vốn điều lệ.

f. Ông Nguyễn Hoài Thanh - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 09/01/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 94A1 Phùng Văn Cung, Phường 07, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08 62583425
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + 2001 – 2006: Học tại Đại học Kiến Trúc Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + 06/2006 – 19/11/2015: Công tác tại Phòng Dự án - Công ty CP XD Số 5.
 - + 20/11/2015 – 29/09/2020: Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 9 - Công ty CP XD Số 5.
 - + 30/09/2020 – Đến nay: Phó Tổng GD Công ty CP XD Số 5 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 9.
- Số cổ phần sở hữu: 1.117 cổ phần; chiếm 0,007% vốn điều lệ.

g. Ông Phạm Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1974
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 203/7F Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 62583425
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + 01/1993 – 01/1997: Sinh viên Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.
 - + 02/1997 – 10/2000: Công tác tại Công an TP.Hồ Chí Minh.
 - + 11/2000 -01/2003: Công tác tại Trung ương hội khuyến học Việt Nam – Phó Ban Vận động.
 - + 02/2003 -01/2005: Công tác tại Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
 - + 02/2005 – 09/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Phạm Gia.
 - + 10/2020 – Đến nay: Phó Tổng GD Công ty cổ phần xây dựng số 5.
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

h. Ông Phan Chí Hiếu – Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 29/09/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 196/18 Vườn Lài, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 62583425
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + 1996 – 1999: Sinh viên Khoa kế Toán – Kiểm Toán, Trường Đại học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh

- + 06/2000 – 05/2004: Kế toán tài chính Công ty TNHH Konam Apparex Việt Nam (Sau đổi tên thành Công ty TNHH Modewin Việt Nam)
- + 06/2004 – 07/2007: Phụ trách kế toán Trung tâm Quốc Gia Quan Trắc CBMT & PND BTS khu vực Nam Bộ - Viện Nghiên Cứu Nuôi Trồng Thủy Sản II – Bộ Nông Nghiệp & PTNT
- + 08/2007 – 07/2010: Kế toán tổng hợp Công ty CP XD số 5
- + 08/2010 – 31/12/2020: Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty CP XD số 5.
- + 01/01/2021 – Đến nay: Kế Toán trưởng Công ty CP XD số 5
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- ✚ Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không có
- ✚ Công tác nhân sự

Tổng số người lao động trong năm 2022 là 334 người, thu nhập bình quân đạt 10 triệu/lao động/tháng.

Stt	Tiêu chí	Số lượng (người)
I	Theo trình độ lao động	
1	Đại học và trên Đại học	181
2	Trung cấp, Cao đẳng	60
3	CN nghề, LĐ phổ thông	93
II	Theo giới tính	
1	Nam	254
2	Nữ	80

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Trong năm 2022, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để triển khai dự án tại Phường Phước Long B, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.
4. Tình hình tài chính
 - a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.394.978.543.079	2.412.158.586.556	0,72
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.729.037.629.403	2.609.217.028.112	50,91
Lợi nhuận				
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	43.138.453.088	28.283.768.401	-34,43
+ Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(99.634.012)	157.758.269	-258,34
+ Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	43.038.819.076	28.441.526.670	-33,92
+ Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	33.953.638.273	22.537.994.295	-33,62
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	88,3	133	50,65

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,1	1,1
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,7	0,7
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	85,4	86
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	%	587,3	615,5
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,6	3,1
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Vòng	0,7	1,1
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	2,0	0,9
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	9,7	6,7
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,4	0,9
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu	%	2,5	1,1

thuần			
5. Chỉ tiêu về cổ phiếu			
- EPS (Thu nhập trên mỗi cổ phiếu)	đồng/cp	2.005	1.279
- Giá trị sổ sách	đồng/cp	23.255	22.499
- P/B	lần	1,05	1,12
- P/E	lần	12,19	19,66
- Cổ tức	%	20	12

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a. Cổ phần: Tổng số cổ phiếu của Công ty: 14.984.550 (trong đó có 1.051 cổ phiếu quỹ)
- b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/	170.511	1,14	2
	- Trong nước	170.511	1,14	2
	- Nước ngoài	0	0	0
3	Cổ đông lớn	7.335.420	48,95	1
	- Trong nước	7.335.420	48,95	1
	- Nước ngoài	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	1.051	0,01	1
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0
7	Cổ đông khác	7.477.568	49,9	1.217
	- Trong nước	6.867.115	45,83	1.084
	- Nước ngoài	610.453	4,07	133
TỔNG CỘNG		14.984.550	100	1.221
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		14.373.046	95,92	1.088
<i>- Nước ngoài</i>		610,453	4,07	133

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

✚ Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xây lắp nên việc đánh giá về lượng nguyên liệu không được đầy đủ và cụ thể do yêu cầu của chủ đầu tư đối với từng công trình là khác nhau.
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Các vật liệu của Công ty sử dụng một lần không tái chế.

✚ Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ:
 - Tại các công trường: Chưa có biện pháp đo đếm
 - Tại trụ sở văn phòng công ty: 505.538 KW/năm
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

✚ Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
 - Tại các công trường: Chưa có biện pháp đo đếm, sử dụng nguồn nước tự nhiên
 - Tại trụ sở văn phòng công ty: 2.450 m³/năm
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Sử dụng một lần không tái chế.

✚ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Trong năm 2022, Công ty không vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

✚ Chính sách liên quan đến người lao động:

- Không chỉ chú trọng đến việc phát triển kinh doanh, Công ty còn rất chú trọng quan tâm đến điều kiện làm việc cũng như đời sống cho người lao động. Với Ban lãnh đạo Công ty, yếu tố con người luôn là ưu tiên hàng đầu và không tách rời

trong chiến lược “phát triển bền vững”.

- Thời gian làm việc, ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ phép, nghỉ lễ, tết của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật lao động. Các chế độ trợ cấp, thăm hỏi trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản,... được đảm bảo đầy đủ theo quy định của Nhà nước. Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ 1 lần /1 năm cho toàn thể CB-CNV Công ty. Tổ chức các buổi tham quan, dã ngoại và du lịch cho người lao động hàng năm.
- Công tác bảo hộ lao động cho người lao động luôn được quan tâm sát sao. Công ty đã tổ chức các buổi tập huấn, huấn luyện về ATVSLĐ cho hơn 330 người. Trong năm chưa để xảy ra tai nạn lao động nào.
- Công ty tổ chức gặp mặt và tặng quà hàng năm cho nữ CBCNV trong Công ty nhân ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3) và ngày thành lập Hội LHPNVN (20/10), tổ chức và tặng quà cho con CBCNV và người lao động vào ngày Quốc tế thiếu nhi (1/6) và Tết trung thu

✦ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Với tinh thần hướng tới cộng đồng, Công ty đã luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, chung tay chia sẻ và đóng góp với cộng đồng. Trong năm 2022, Công ty đã tổ chức trao tặng cho hơn 10 bệnh nhân đang xạ trị có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện Ung Bướu TP.Hồ Chí Minh (hỗ trợ 01 phần tiền viện phí, tổng cộng 53 triệu đồng). Vào dịp tết Nguyên đán Công ty đã ủng hộ nhiều phần quà tới các hộ có hoàn cảnh khó khăn tại các địa phương mà Công ty đang đầu tư dự án, thi công xây lắp và đặc biệt là tại phường 14, quận Bình Thạnh, nơi đặt trụ sở chính của Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

✦ Lĩnh vực đấu thầu và thi công xây lắp:

Về công tác thi công xây lắp:

- Công tác thi công các công trình đã trúng thầu được chỉ đạo và điều hành sát sao, cụ thể, bám sát tiến độ hợp đồng đã ký và luôn đảm bảo đúng quy trình, quy phạm

và tiêu chuẩn kỹ thuật công trình. Các dự án có giá trị lớn, thuộc các lĩnh vực khác nhau hiện đang thi công như: Gói thầu thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị thuộc DA : XD mới BV Đa Khoa KV Hóc Môn; Nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Tp Thủ Dầu Một (Thuộc DA cải thiện môi trường nước Nam BD GD2; Cải tạo, XD Bệnh Viện An Bình (Giai đoạn 2); Gói thầu thiết kế & xây lắp hệ thống thoát nước mưa & thu gom nước thải EC thuộc dự án cải thiện môi trường; CT nhà máy nước Hòa Liên Đà Nẵng mà công ty thi công và hoàn thành trong năm 2022 đã góp phần vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, nâng tầm thương hiệu của công ty với các Chủ đầu tư dự án và trên thương trường.

- Công tác bảo hộ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ tại các công trình luôn được các đơn vị thi công đặt lên hàng đầu và thường xuyên kiểm tra, vì thế trong năm 2022 không có tai nạn lao động nghiêm trọng nào xảy ra.

Về công tác đấu thầu:

- Với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và sự quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong năm 2022 đạt nhiều kết quả khả quan, Công ty trúng nhiều dự án với tổng giá trị trúng thầu lớn, giá trị trúng thầu trong năm 2022 đạt hơn 2.377 tỷ đồng, đảm bảo đủ việc làm cho người lao động và gói đầu cho kế hoạch các năm tiếp theo, trong đó có những hợp đồng có giá trị lớn như: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch cơ sở 2 (922,751 tỷ đồng); CT bệnh viện Thủ Đức (năm 2022: 382,129 tỷ đồng); Xây mới trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Hòa Khánh 5000m³/ngày đêm giai đoạn 2 (125,116 tỷ đồng); Gói thầu HD-PW-08 XD hệ thống thu gom nước thải và kết nối hệ gia đình cho các khu vực còn lại của phía tây Tp Hải Dương (290,624 tỷ đồng); Gói thầu khảo sát, thiết kế, CC vật tư thiết bị TC Dự án: Nhà máy bột giấy VNT 19 Quảng Ngãi (187,516 tỷ đồng),.....

✦ Lĩnh vực kinh doanh bất động sản:

- Năm 2022, công ty chưa thực hiện đầu tư dự án kinh doanh BĐS mới nào. Dự án khu nhà ở Phường Phước Long B, TP.Thủ Đức giai đoạn 2 đã được gia hạn của

cấp có thẩm quyền; hiện đang chờ phê duyệt để tiếp tục triển khai.

Các lĩnh vực SXKD khác:

- Các mặt bằng cho thuê kinh doanh của công ty tại cao ốc 137 Lê Quang Định, chung cư Mỹ Phước, chung cư Mỹ Đức, chung cư D5 đã được thuê kín chỗ, giá cả hợp lý, thời gian thuê ổn định đã góp phần đem lại lợi nhuận cho công ty trong kỳ kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2021	2022	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	2.285.387.436.284	2.309.573.965.379	+ 1,06
Tài sản dài hạn	109.591.106.795	102.584.621.177	- 6,39
Tổng tài sản	2.394.978.543.079	2.412.158.586.556	+ 0,72

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2021	2022	% Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	2.012.121.745.028	2.040.726.263.530	+ 1,42
Nợ dài hạn	34.384.168.163	34.293.365.244	- 0,26
Nợ phải trả	2.046.505.913.191	2.075.019.628.774	+ 1,39

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

Về cơ cấu bộ máy quản lý, hoạt động của công ty đã được tổ chức đầy đủ theo hướng ngày càng hoàn thiện, phục vụ và đáp ứng tốt yêu cầu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trên cơ sở các dự báo triển vọng kinh tế Việt Nam nói chung, lĩnh vực xây dựng và bất động sản nói riêng trong những năm tới là rất khó khăn do các diễn biến phức tạp của chiến tranh Ucraina - Nga, lãi suất tăng cao, chi phí gia tăng và rủi ro phát sinh công nợ khó đòi khi thị trường bất động sản “ngủ đông” là những khó khăn hiện hữu của doanh nghiệp ngành xây dựng. Chính vì vậy, Công ty định hướng kế hoạch giai đoạn 2020 - 2025 với mục tiêu chung là ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống, việc làm cho người lao động, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm quyền và lợi ích cho cổ đông.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

- ✦ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tại tất cả các cấp đều có ý thức tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.
- ✦ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật đối với người lao động. Trong mọi hoạt động Công ty đều chú trọng xem xét lợi ích người lao động.
- ✦ c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty luôn đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

✦ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch Covid-19 gây ra. Đối với nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, xây dựng, năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn, lãi suất cho vay, giá xăng dầu, giá vật liệu xây dựng... đều tăng, dẫn đến chi phí của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhưng với nỗ lực và quyết tâm cao vượt qua khó khăn của toàn thể Ban lãnh đạo, CBCNV Công ty, sự thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi của thị trường, năm 2022, Công ty đã đạt được nhiều thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đã đề ra:

- Giá trị sản lượng: 2.894 tỷ đồng đạt 120,58 % so với KH
- Giá trị doanh thu: 2.609,22 tỷ đồng đạt 144,95 % so với KH
- Lợi nhuận trước thuế: 28,44 tỷ đồng đạt 128,68 % so với KH
- Lợi nhuận sau thuế: 22,54 tỷ đồng đạt 127,48 % so với KH
- Nộp ngân sách nhà nước: 230,43 tỷ đồng đạt 137,16 % so với KH

✦ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2022, thực hiện tốt vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng các quy định của Điều lệ Công ty, các Nghị Quyết của HĐQT.

✦ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT Công ty cổ phần xây dựng số 5 tập trung định hướng vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Đảm bảo hoạt động của Công ty tăng trưởng, an toàn và hiệu quả.
- Phát huy thế mạnh tổng thầu thi công xây dựng, mở rộng các lĩnh vực hoạt động thi công xây dựng.
- Tăng cường giám sát hoạt động của các đơn vị trực thuộc, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu nhân sự thời điểm hiện tại và tương lai. Bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng cho toàn thể CBCNV để đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

V. Quản trị công ty



1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chức danh Thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Nguyễn Kinh Kha	Chủ tịch HĐQT	0,22	Không có
2	Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch HĐQT	48,96	Không có
3	Trần Đạt Thịnh	Thành viên HĐQT	3,34	Không có
4	Nguyễn Đình Dũng	Thành viên HĐQT	3,48	Không có
5	Phạm Quốc Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	0	Không có

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Công ty hiện nay có 01 thư ký HĐQT kiêm phụ trách quản trị Công ty – giúp việc cho Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT:
 - + Phối hợp với Ban kiểm soát rà soát báo cáo tài chính quý năm 2022.
 - + Giám sát hoạt động của các Xí nghiệp thành viên, các Đội xây dựng trực thuộc Công ty, đảm bảo các hoạt động tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 cuộc họp, ban hành 10 nghị quyết, quyết định và 01 nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Kịp thời đề ra các chủ

trương, giải pháp chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT cũng thực hiện phân công nhiệm vụ chi tiết tới từng thành viên. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đã chủ động lên kế hoạch làm việc và định kỳ giám sát, đôn đốc các bộ phận trong việc triển khai các Nghị Quyết, Quyết Định của HĐQT.
- Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2022:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	55/2022/NQ- HĐQT	23/02/2022	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐTN năm 2022
2	97/2022/NQ- HĐQT	29/03/2022	Thông qua các tài liệu ĐHCĐTN năm 2022
3	123/NQ- ĐHCĐTN2022	22/04/2022	Nghị quyết ĐHCĐ TN năm 2022
4	131/2022/NQ- HĐQT	27/04/2022	Chốt danh sách cổ đông chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt
5	172/2022/NQ- HĐQT	01/06/2022	Ban hành quy chế tổ chức ĐHCĐ trực tuyến và hướng dẫn bỏ phiếu điện tử
6	181/2022/NQ- HĐQT	06/06/2022	Thành lập Chi nhánh – Xí nghiệp xây lắp 66
7	207/2022/NQ- HĐQT	22/06/2022	Lựa chọn công ty kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm 2022
8	269/2022/NQ- HĐQT	15/08/2022	Vay vốn, phát hành bảo lãnh... tại Ngân hàng Hàng Hải (MSB)
9	274/2022/NQ- HĐQT	18/08/2022	Vay vốn, phát hành bảo lãnh... tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)
10	417/2022/NQ- HĐQT	12/12/2022	Vay vốn, phát hành bảo lãnh... tại Ngân hàng Vietinbank
11	430/2022/NQ- HĐQT	20/12/2022	Vay vốn, phát hành bảo lãnh... tại Ngân hàng VIB

- d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát
a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi Chú
1	Vũ Văn Hùng	Trưởng Ban	0%	
2	Lê Thụy Thanh Quyên	Thành viên	3,8 %	
3	Vũ Thị Hằng	Thành viên	0%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, BKS công ty đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ. Tình hình thực hiện kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2022 tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành Điều lệ, các Quy chế của Công ty.
- Rà soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022.
- Rà soát báo cáo tài chính các quý năm 2022.
- Giám sát việc chi trả cổ tức năm 2021.
- Giám sát HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.
- Kiến nghị các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán chấp thuận để HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2022.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao 1 tháng	Lương 1 tháng
1	Nguyễn Kinh Kha	Chủ tịch HĐQT	32.000.000	



2	Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	28.000.000	54.000.000
3	Nguyễn Đình Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	25.000.000	25.000.000
4	Trần Đạt Thịnh	Thành viên HĐQT	25.000.000	
5	Phạm Quốc Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	20.000.000	
6	Trần Minh Hải	Phụ trách quản trị		22.500.000
7	Vũ Văn Hùng	Trưởng BKS	12.000.000	
8	Lê Thụy Thanh Quyên	Thành viên BKS	8.000.000	
9	Vũ Thị Hằng	Thành viên BKS	8.000.000	
10	Nguyễn Thị Ngọc Hoà	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ		6.000.000
11	Phạm Thị Thuỳ Phương	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ		4.000.000
12	Bùi Đức Hanh	Phó TGD		30.000.000
13	Đặng Văn Dũng	Phó TGD		30.000.000
14	Nguyễn Văn Cường	Phó TGD		40.000.000
15	Phạm Văn Tuấn	Phó TGD		30.000.000
16	Nguyễn Hoài Thanh	Phó TGD		20.000.000
17	Phan Chí Hiếu	Kế toán trưởng		29.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Duy Hưng	Em trai Người phụ trách quản trị Công ty Trần Minh Hải	4.628	0,03%	28	0,0002%	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Từ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	
	11 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300378152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ mười bảy ngày 12/05/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 149.845.500.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2022: 149.845.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Kinh Kha	Chủ tịch
Ông	Phạm Văn Từ	Phó chủ tịch
Ông	Nguyễn Đình Dũng	Thành viên
Ông	Trần Đạt Thịnh	Thành viên
Ông	Phạm Quốc Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Bà	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Trưởng ban
Bà	Phạm Thị Thùy Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Phạm Văn Từ	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Bùi Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Đặng Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Ban Kiểm soát

Ông	Vũ Văn Hùng	Trưởng ban
Bà	Lê Thụy Thanh Quyên	Thành viên
Bà	Vũ Thị Hằng	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Văn Từ

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và các Công ty con và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Phạm Văn Từ

Số: 54 /BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được lập ngày 01/03/2023 từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

011729
CÔNG TY
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
T.P.H.C.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 09 tháng 03 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**



Tạ Quang Long

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0699-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.309.573.965.379	2.285.387.436.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	510.497.237.587	422.714.925.442
1. Tiền	111		130.492.876.972	353.400.562.702
2. Các khoản tương đương tiền	112		380.004.360.615	69.314.362.740
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	32.504.562.686	13.018.155.110
1. Chứng khoán kinh doanh	121		13.018.155.110	13.018.155.110
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.486.407.576	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		895.873.420.324	964.228.728.216
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	384.936.752.984	400.225.698.302
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		262.598.314.725	288.199.705.096
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	248.338.352.615	275.803.324.818
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	803.516.734.312	831.736.869.801
1. Hàng tồn kho	141		803.516.734.312	831.736.869.801
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		67.182.010.470	53.688.757.715
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	466.458.996	3.874.002.605
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.945.411.588	48.728.733.968
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.09	1.770.139.886	1.086.021.142
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.584.621.177	109.591.106.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		59.159.413.964	63.135.168.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	59.159.413.964	63.135.168.620
- Nguyên giá	222		109.046.684.707	109.046.684.707
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.887.270.743)	(45.911.516.087)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		863.931.250	863.931.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(863.931.250)	(863.931.250)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	40.000.000.000	43.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		40.000.000.000	43.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.425.207.213	3.455.938.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	3.425.207.213	3.455.938.175
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.412.158.586.556	2.394.978.543.079

* M.S.D.N.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.075.019.628.774	2.046.505.913.191
I. Nợ ngắn hạn	310		2.040.726.263.530	2.012.121.745.028
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	418.526.567.183	407.388.087.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		934.478.920.004	1.062.382.599.552
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	31.987.200	31.987.200
4. Phải trả người lao động	314		1.956.499.800	213.085.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.766.940.107	2.044.847.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	70.392.505.792	48.910.176.656
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	601.774.265.674	483.677.252.293
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.798.577.770	7.473.709.369
II. Nợ dài hạn	330		34.293.365.244	34.384.168.163
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	322		136.500.000	136.500.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.10	26.316.133.970	26.406.936.889
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.11	7.840.731.274	7.840.731.274
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		337.138.957.782	348.472.629.888
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	337.138.957.782	348.472.629.888
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		149.845.500.000	149.845.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		149.845.500.000	149.845.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.510.000)	(10.510.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.657.688.034	73.657.688.034
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		92.696.279.748	104.029.951.854
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70.158.285.453	70.076.313.581
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		22.537.994.295	33.953.638.273
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.412.158.586.556	2.394.978.543.079

Người lập biểu

Tô Thị Tuyết Mai

Kế toán trưởng

Phan Chí Hiếu



Ngày 01 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Từ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.609.217.028.112	1.729.037.629.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.609.217.028.112	1.729.037.629.403
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.540.149.526.267	1.645.302.766.941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.067.501.845	83.734.862.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	11.315.358.268	8.020.130.092
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	30.093.880.733	30.350.784.063
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.955.154.139	30.350.784.063
8. Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.368.206.083	1.256.502.070
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	20.637.004.896	17.009.253.333
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.283.768.401	43.138.453.088
11. Thu nhập khác	31	VI.05	378.778.555	1.409.501
12. Chi phí khác	32	VI.06	221.020.286	101.043.513
13. Lợi nhuận khác	40		157.758.269	(99.634.012)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.441.526.670	43.038.819.076
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	5.903.532.375	9.085.180.803
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.537.994.295	33.953.638.273
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.279	2.005
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.279	2.005

Người lập biểu

Tô Thị Tuyết Mai

Kế toán trưởng

Phan Chí Hiếu

Ngày 01 tháng 03 năm 2023
Tổng Giám đốc



Phạm Văn Từ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.441.526.670	43.038.819.076
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.975.754.656	4.119.254.661
- Các khoản dự phòng	03		-	(7.523.109.041)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.690.642	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.312.711.232)	(7.809.310.907)
- Chi phí lãi vay	06		29.955.154.139	30.350.784.063
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.070.414.875	62.176.437.852
- Biến động các khoản phải thu	09		52.200.196.051	319.494.550.150
- Biến động hàng tồn kho	10		33.924.682.740	(388.189.355.783)
- Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(89.166.194.281)	186.659.392.642
- Biến động chi phí trả trước	12		3.438.274.571	(298.763.495)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(36.401.673.308)	(39.141.301.346)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.649.216.898)	(4.502.318.849)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.579.800.000)	(3.478.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.836.683.750	132.720.081.171
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.110.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.486.407.576)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.312.711.232	7.809.310.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.173.696.344)	6.699.310.907
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.756.107.629.411	1.046.402.898.812
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.638.010.616.030)	(1.076.444.102.554)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.966.998.000)	(29.967.185.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		88.130.015.381	(60.008.389.142)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		87.793.002.787	79.411.002.936
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		422.714.925.442	343.303.922.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.690.642)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	510.497.237.587	422.714.925.442

Người lập biểu

Tô Thị Tuyết Mai

Kế toán trưởng

Phan Chí Hiếu



Phạm Văn Từ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300378152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ mười bảy ngày 12/05/2022.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SC5.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 149.845.500.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2022: 149.845.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2022: 427 người

Chi tiết các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

STT	Đơn vị trực thuộc	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp Xây dựng Số 1	Xây dựng công trình
2	Xí nghiệp Xây dựng Số 2	Xây dựng công trình
3	Xí nghiệp Xây dựng Số 3	Xây dựng công trình
4	Xí nghiệp Xây dựng Số 4	Xây dựng công trình
5	Xí nghiệp Xây dựng Số 5	Xây dựng công trình
6	Xí nghiệp Xây dựng Số 6	Xây dựng công trình
7	Xí nghiệp Xây dựng Số 7	Xây dựng công trình
8	Xí nghiệp Xây dựng Số 9	Xây dựng công trình
9	Xí nghiệp Xây dựng Số 10	Xây dựng công trình
10	Xí nghiệp Xây dựng Số 15	Xây dựng công trình
11	Xí nghiệp Xây dựng 66	Xây dựng công trình
12	Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý dịch vụ	Xây dựng công trình
13	Xí nghiệp Cơ giới và Thiết bị	Xây dựng công trình
14	Xí nghiệp Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Xây dựng công trình
15	Xí nghiệp Đầu tư Xây Dựng	Xây dựng công trình
16	Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư - Thương mại và Dịch vụ	Kinh doanh vật tư xây dựng

01172
CÔNG TY
TNHH
CH VU TU
CHINH K
A KIEM
PHIA H
- T.P.H

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không phát sinh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 03 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 30
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 05

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. TSCĐ vô hình đã hết thời gian khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.



Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

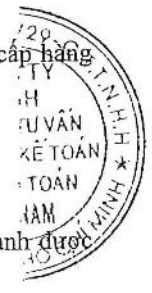
Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Các khoản chi phí bảo hành công trình đã hoàn thành và đã bàn giao cho chủ đầu tư.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

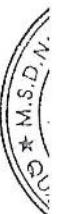
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

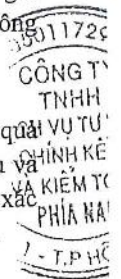
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động xây lắp, kinh doanh vật tư và cung cấp dịch vụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

19. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	(*) 20.431.003.100	53.696.310.400
- Tiền gửi ngân hàng	110.061.873.872	299.704.252.302
- Các khoản tương đương tiền	380.004.360.615	69.314.362.740
Tổng cộng	510.497.237.587	422.714.925.442

Ghi chú:

(*) Số dư tiền mặt tại các xí nghiệp trực thuộc để chi trả lương nhân viên và tạm ứng cho đội thi công mua vật tư.

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	384.936.752.984	400.225.698.302
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Đà Nẵng	62.841.577.000	54.472.213.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại - Sản xuất- Xây dựng Đông Mê Kông	59.623.565.200	59.623.565.200
- Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới	-	33.100.501.301
- Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang	21.022.929.000	-
- Các đối tượng khác	241.448.681.784	253.029.418.801
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-

3. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.459.901.287	-	3.645.857.993	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	4.416.818	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	799.056.833.025	-	828.086.594.990	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	803.516.734.312	-	831.736.869.801	-

Ghi chú:

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình Bệnh viện đa khoa Khu vực Hóc Môn	72.131.774.380	325.133.759.472
- Công trình Bệnh viện đa khoa Thủ Đức	200.751.263.897	69.142.041.348
- Chung cư Minh Quốc Plaza	124.249.565.558	32.750.281.895
- Công trình Trạm Bơm thủy lợi Định Quán, Đồng Nai	-	45.371.699.893
- Công trình khác	401.924.229.190	355.688.812.382
Cộng	799.056.833.025	828.086.594.990

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Chứng khoán kinh doanh	13.018.155.110	13.018.155.110	-	13.018.155.110
- Đầu tư cổ phiếu OTC	13.018.155.110	13.018.155.110	-	13.018.155.110
+ Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	1.081.650.000	-	1.081.650.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	729.500.000	729.500.000	-	729.500.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 14 (CC14)	5.137.544.110	5.137.544.110	-	5.137.544.110
+ Công ty Cổ phần Thủy Điện Dakr'it	6.069.461.000	6.069.461.000	-	6.069.461.000

Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	59.486.407.576	59.486.407.576	-	43.000.000.000
b.1 Ngắn hạn	19.486.407.576	19.486.407.576	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn				
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3	12.176.400.000	12.176.400.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sài Gòn	7.310.007.576	7.310.007.576	-	-
b.2 Dài hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	43.000.000.000
- Đầu tư Trái phiếu	40.000.000.000	40.000.000.000	-	43.000.000.000
+ Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 (*)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	43.000.000.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) Trái phiếu bao gồm:

+ Số lượng 200.000 trái phiếu. Kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2031. Mệnh giá là 100.000 đồng/Trái phiếu. Lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu. Nếu trái phiếu được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu và tiền lãi trái phiếu và tiền lãi trái phiếu mua lại trái phiếu. Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu khác không phải là ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

+ Số lượng 200.000 trái phiếu. Kỳ hạn 08 năm, đáo hạn vào năm 2028. Mệnh giá là 100.000 đồng/Trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho toàn bộ thời gian 08 (tám) năm là lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm. Tiền lãi trái phiếu 2028 được trả định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2028. Nếu trái phiếu 2028 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 3 sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2028 và tiền lãi năm thứ 3 sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2028 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028; Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu 2028 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2028 và/hoặc ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo sau ngày đó.



5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	248.338.352.615	-	275.803.324.818	-
- Tạm ứng	(1) 198.050.903.463	-	230.160.254.126	-
- Ký cược, ký quỹ	1.697.879.833	-	1.457.879.036	-
- Phải thu khác	48.589.569.319	-	44.185.191.656	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Sato	(2) 34.031.011.935	-	34.031.011.935	-
+ Phạm Thị Liên	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Đối tượng khác	11.558.557.384	-	7.154.179.721	-
b. Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng cộng	248.338.352.615	-	275.803.324.818	-

Ghi chú:

(1) Đây là các khoản tạm ứng cho các đội trưởng các đội xây dựng để thi công công trình.

(2) Đây là số tiền Công ty TNHH Đầu tư Sato còn nghĩa vụ phải góp để hoàn thành dự án "Chinh trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh"

A * M.S.O.

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, Thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	102.143.251.284	5.956.257.990	679.889.286	267.286.147	109.046.684.707
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	102.143.251.284	5.956.257.990	679.889.286	267.286.147	109.046.684.707
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	39.823.915.998	5.140.424.656	679.889.286	267.286.147	45.911.516.087
2. Khấu hao trong năm	3.572.421.324	403.333.332	-	-	3.975.754.656
- Khấu hao tăng trong năm	3.572.421.324	403.333.332	-	-	3.975.754.656
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	43.396.337.322	5.543.757.988	679.889.286	267.286.147	49.887.270.743
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	62.319.335.286	815.833.334	-	-	63.135.168.620
2. Tại ngày cuối năm	58.746.913.962	412.500.002	-	-	59.159.413.964

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là:

41.956.715.835 VND
5.793.433.423 VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	466.458.996	3.874.002.605
- Chi phí khác chờ phân bổ	466.458.996	3.874.002.605
b. Dài hạn	3.425.207.213	3.455.938.175
- Chi phí, công cụ dụng cụ còn phân bổ	832.769.085	3.455.938.175
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.592.438.128	-

8. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	418.526.567.183	418.526.567.183	407.388.087.662	407.388.087.662
- Công ty TNHH MTV TM Thanh Dung	30.578.500.379	30.578.500.379	28.504.121.618	28.504.121.618
- Công ty Cổ phần Tân Bình	31.864.476.351	31.864.476.351	13.734.484.844	13.734.484.844
- Công ty Cổ phần VIWASEEN3	13.665.674.841	13.665.674.841	26.675.933.681	26.675.933.681
- Các đối tượng khác	342.417.915.612	342.417.915.612	338.473.547.519	338.473.547.519
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	418.526.567.183	418.526.567.183	407.388.087.662	407.388.087.662

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	31.987.200	974.290.868	974.290.868	31.987.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	31.987.200	792.208.512	792.208.512	31.987.200
Thuế khác	-	182.082.356	182.082.356	-
b. Phải thu	1.086.021.142	8.419.605.571	9.103.724.315	1.770.139.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp	946.279.670	5.903.532.375	6.649.216.898	1.691.964.193
Thuế thu nhập cá nhân	139.741.472	2.516.073.196	2.454.507.417	78.175.693

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	70.392.505.792	48.910.176.656
- Kinh phí công đoàn	640.547.634	665.332.334
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	76.196.253	95.723.903
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.675.761.905	48.149.120.419
+ Phải trả các đội nhận thi công các công trình xây lắp	16.725.931.980	3.115.159.004
+ Kinh phí bảo trì tạm thu của các căn hộ trong các dự án chung cư	-	3.424.495.636
+ Nguyễn Văn Cường	-	10.000.000.000
+ Phạm Thành Trung	15.000.000.000	5.000.000.000
+ Trần Hồng Minh	16.500.000.000	10.000.000.000
+ Lê Hoài Phương	13.000.000.000	3.000.000.000
+ Các đối tượng khác	8.449.829.925	13.609.465.779
b. Dài hạn	26.316.133.970	26.406.936.889
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	1.861.133.970	1.951.936.889
- Phải trả vốn hợp tác đầu tư	24.455.000.000	24.455.000.000

11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	7.840.731.274	7.840.731.274
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	7.840.731.274	7.840.731.274
Tổng cộng	7.840.731.274	7.840.731.274



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

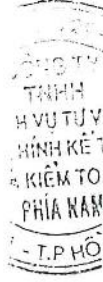
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	601.774.265.674	601.774.265.674	1.756.107.629.411	1.638.010.616.030	483.677.252.293	483.677.252.293
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Sài Gòn	496.253.531.891	496.253.531.891	1.399.415.124.812	1.335.159.418.087	431.997.825.166	431.997.825.166
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	46.417.299.259	46.417.299.259	102.297.440.217	66.559.151.773	10.679.010.815	10.679.010.815
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh	56.720.036.182	56.720.036.182	149.894.408.018	106.237.029.624	13.062.657.788	13.062.657.788
	2.383.398.342	2.383.398.342	104.500.656.364	130.055.016.546	27.937.758.524	27.937.758.524
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	601.774.265.674	601.774.265.674	1.756.107.629.411	1.638.010.616.030	483.677.252.293	483.677.252.293

Ghi chú:

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT906-SC5 ngày 12/12/2022 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh 3. Hạn mức tín dụng: 700 tỷ đồng. Thời hạn vay: không quá 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp bao gồm: Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2018-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 16/05/2018 và số 01/2020-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 24/04/2020; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số TS01/2019/HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 20/08/2019, số TS02/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 20/08/2019, số TS03/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 20/08/2019, số TS04/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 20/08/2019, số TS05/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 20/08/2019 và số TS06/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ngày 20/08/2019; Và các hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng thi công (Xem thuyết minh V.06 của Báo cáo tài chính này).
- (2) Hợp đồng tín dụng số 441.0033/2022/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 30/3/2022 với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn. Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh trong nước nhưng không bao gồm bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức hoặc cá nhân khác. Lãi suất cho vay theo quy định của PGBank trong từng thời kỳ được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Hợp đồng tín dụng này không có tài sản bảo đảm.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 9792524.22 ngày 05/01/2022 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn. Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng, phát hành cam kết bảo lãnh 250 tỷ đồng, tín dụng chứng từ 100 tỷ đồng. Thời hạn vay, phát hành cam kết bảo lãnh và phát hành tin dụng chứng từ là 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành cam kết bảo lãnh và phát hành tin dụng chứng từ phục vụ hoạt động lĩnh vực xây lắp của Bên được cấp tín dụng. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm là khoản phải thu và quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng thi công mà Bên được cấp tín dụng là nhà thầu chính/phụ được VIB chấp nhận tài trợ.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 2804/2021/HĐTD-XDSS ngày 28/4/2021 với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh. Hạn mức tín dụng: 1.000 tỷ đồng, trong đó cho vay theo hạn mức 200 tỷ đồng, bảo lãnh ngân hàng 800 tỷ đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng này không có tài sản bảo đảm.



13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	105.332.224.977	349.774.903.011
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.953.638.273	33.953.638.273
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.288.913.396)	(5.288.913.396)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(29.966.998.000)	(29.966.998.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	104.029.951.854	348.472.629.888
Số dư tại ngày 01/01/2022	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	104.029.951.854	348.472.629.888
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.537.994.295	22.537.994.295
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(*)	-	-	-	(3.904.668.401)	(3.904.668.401)
- Chia cổ tức	(*)	-	-	-	(29.966.998.000)	(29.966.998.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	92.696.279.748	337.138.957.782

Ghi chú:

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 123/NQĐHCĐTN2022 ngày 22 tháng 04 năm 2022 với tỷ lệ như sau: chia cổ tức 20% trên vốn điều lệ; Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 11,5% trên lợi nhuận sau thuế.



11/01/2023 10:51

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp các đối tượng khác	149.845.500.000	149.845.500.000
Tổng cộng	149.845.500.000	149.845.500.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	149.845.500.000	149.845.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	149.845.500.000	149.845.500.000
<i>- Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	<i>29.966.998.000</i>	<i>29.966.998.000</i>

d. Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.984.550	14.984.550
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.984.550	14.984.550
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.984.550</i>	<i>14.984.550</i>
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	1.051	1.051
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.051</i>	<i>1.051</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.983.499	14.983.499
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.983.499</i>	<i>14.983.499</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	73.657.688.034	73.657.688.034
	73.657.688.034	73.657.688.034



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	2.609.217.028.112	1.729.037.629.403
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.543.910.006.146	1.639.851.216.742
- Doanh thu kinh doanh nhà	3.198.272.728	12.236.914.295
- Doanh thu bán hàng hóa	46.514.146.284	62.409.546.567
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.594.602.954	14.539.951.799

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.483.571.754.490	1.568.235.117.360
- Giá vốn kinh doanh nhà	3.198.272.728	7.108.827.273
- Giá vốn hàng hóa đã bán	44.592.192.379	61.570.186.273
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.787.306.670	8.388.636.088
Cộng	2.540.149.526.267	1.645.302.766.941

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.698.596.232	6.895.908.811
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.614.115.000	913.402.096
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.647.036	210.819.185
Cộng	11.315.358.268	8.020.130.092

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	29.955.154.139	30.350.784.063
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.690.642	-
- Chi phí tài chính khác	128.035.952	-
Cộng	30.093.880.733	30.350.784.063

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý công nợ phải trả	378.770.486	-
- Các khoản khác	8.069	1.409.501
Cộng	378.778.555	1.409.501

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	211.010.519	101.043.513
- Xử lý công nợ phải thu	10.008.932	-
- Các khoản khác	835	-
Cộng	221.020.286	101.043.513

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.368.206.083	1.256.502.070
- Chi phí lương nhân viên	911.805.280	944.053.925
- Chi phí bằng tiền khác	456.400.803	312.448.145
b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong năm	20.637.004.896	17.009.253.333
- Chi phí nhân viên quản lý	14.653.427.500	14.496.305.050
- Chi phí đồ dùng văn phòng	390.100.399	256.067.871
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	33.000.003
- Thuế, phí và lệ phí	17.000.000	17.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	5.576.476.997	2.206.880.409

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	904.794.136.252	810.995.420.050
- Chi phí nhân công	32.353.431.043	55.809.514.727
- Chi phí sử dụng máy thi công	260.315.189.022	315.875.406.061
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (Thầu phụ)	1.097.099.837.715	689.354.724.552
- Chi phí bằng tiền khác	194.781.415.525	103.689.851.989
Cộng	2.489.344.009.557	1.975.724.917.379

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.441.526.670	43.038.819.076
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	332.061.161	2.176.417.137
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.946.176.161	3.089.819.233
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(1.614.115.000)	(913.402.096)
- Tổng thu nhập chịu thuế	28.773.587.831	45.215.236.213
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.903.532.375	9.085.180.803
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.754.717.566	9.043.047.242
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	148.814.809	42.133.561

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.537.994.295	33.953.638.273
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.380.699.144	3.904.668.401
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.983.499	14.983.499
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.279	2.005

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2022. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 giảm từ 2.266 VND/cổ phiếu xuống 2.005 VND/cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được tạm trích với tỷ lệ 15% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2022.

11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.537.994.295	33.953.638.273
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.380.699.144	3.904.668.401
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.983.499	14.983.499
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.279	2.005

Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2022. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 giảm từ 2.266 VND/cổ phiếu xuống 2.005 VND/cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được tạm trích với tỷ lệ 15% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2022.

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.756.107.629.411	1.046.402.898.812

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.638.010.616.030	1.076.444.102.554

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tiền lương, thưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
Ông Nguyễn Kinh Kha	Chủ tịch HĐQT	384.000.000	384.000.000
Ông Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.173.450.000	1.222.000.000
Ông Nguyễn Đình Dũng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	612.000.000	625.000.000
Ông Trần Đạt Thịnh	Thành viên HĐQT	480.000.000	480.000.000
Ông Phạm Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	240.000.000	240.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	336.000.000	333.000.000
Bà Phạm Thị Thùy Phương	Thành viên Kiểm toán nội bộ	198.000.000	206.000.000
Ông Vũ Văn Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	508.950.000	485.000.000
Bà Lê Thị Thanh Quyên	Thành viên ban kiểm soát	312.000.000	330.000.000
Bà Vũ Thị Hằng	Thành viên ban kiểm soát	246.000.000	252.000.000
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	480.000.000	240.000.000
Ông Bùi Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	477.450.000	452.000.000
Ông Đặng Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	477.450.000	452.000.000
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	477.450.000	452.000.000
Ông Nguyễn Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp; Đầu tư và kinh doanh Bất động sản; Cung cấp vật tư và dịch vụ khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Xây lắp	Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác	Tổng cộng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	412.500.002		58.746.913.962	59.159.413.964
Các khoản phải thu	888.039.712.159	4.315.331.748	3.518.376.417	895.873.420.324
Hàng tồn kho	771.121.349.220	32.395.385.092		803.516.734.312
Tài sản chung				653.609.017.956
Tổng tài sản	1.659.573.561.381	36.710.716.840	62.265.290.379	2.412.158.586.556
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	1.473.045.792.603	136.500.000	63.070.497	1.473.245.363.100
Phải trả tiền vay	601.774.265.674			601.774.265.674
Tổng nợ phải trả	2.074.820.058.277	136.500.000	63.070.497	2.075.019.628.774

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Xây lắp	Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.543.910.006.146	3.198.272.728	62.108.749.238	2.609.217.028.112
Kết quả kinh doanh bộ phận	60.338.251.656		8.729.250.189	69.067.501.845
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				69.067.501.845
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư				11.315.358.268
Chi phí tài chính (Không phân bổ)				(30.093.880.733)
Chi phí khác				(21.847.452.710)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				28.441.526.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(5.903.532.375)
Lợi nhuận trong năm				22.537.994.295

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2022

	Xây lắp	Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác	Tổng cộng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	815.833.334		62.319.335.286	63.135.168.620
Các khoản phải thu	954.457.403.743	4.370.270.003	5.401.054.470	964.228.728.216
Hàng tồn kho	799.570.987.280	32.165.882.521		831.736.869.801
Tài sản chung				535.877.776.442
Tổng tài sản	1.754.844.224.357	36.536.152.524	67.720.389.756	2.394.978.543.079
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	1.562.616.862.847	136.500.000	75.298.051	1.562.828.660.898
Phải trả tiền vay	483.677.252.293			483.677.252.293
Tổng nợ phải trả	2.046.294.115.140	136.500.000	75.298.051	2.046.505.913.191

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Xây lắp	Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.639.851.216.742	12.236.914.295	76.949.498.366	1.729.037.629.403
Kết quả kinh doanh bộ phận	71.616.099.382	5.128.087.022	6.990.676.058	83.734.862.462
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				83.734.862.462
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư				8.020.130.092
Chi phí tài chính (Không phân bổ)				(30.350.784.063)
Thu nhập khác				(18.365.389.415)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				43.038.819.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(9.085.180.803)
Lợi nhuận trong năm				33.953.638.273

3. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu

Tô Thị Tuyết Mai

Kế toán trưởng

Phan Chí Hiếu



Phạm Văn Từ

